

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HSST

Ngày: 12-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Văn Tấn P, sinh ngày 31/12/1998, tại Kiên Giang; tên gọi khác: L, M; nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định (sống lang thang); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Không rõ họ tên trên giấy tờ (tên thường gọi: T), chết năm 2012; mẹ: Vô danh (không rõ là ai); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/8/2017 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Đặng Văn B, sinh năm 1961; Nơi cư trú: đường P, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

2. Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Hà Văn T, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Huỳnh Anh V, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn Tấn P, Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Văn V là những đối tượng sống lang thang tại Khu vực Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Đêm 11 rạng sáng ngày 12/11/2015 Hoàng A và P đến khu dân cư Phường T, thành phố V để tìm nhà có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà số B đường P, Phường T, thành phố V của ông Đặng Văn B thì Hoàng A và P quan sát phát hiện cửa sổ phía bên hông căn nhà giáp với con hẻm là nơi có thể lấy được tài sản nhưng lúc này đã gần sáng nên không thực hiện được, tất cả đi về. Khoảng 02 giờ ngày 13/11/2015, Hoàng A rủ P và V đến nhà ông B lấy trộm tài sản thì được P và V đồng ý. Khi đến nhà ông B, Hoàng A, P và V đến cửa sổ, cả ba dùng tay cùng nhau kéo khung cửa sổ bằng kim loại ra để tạo thành khe hở, P nhặt cục gạch ống dưới chân chèn vào cửa sổ; sau đó, P dùng sợi dây kim loại gần đó bẻ thành móc để mở chốt cửa sổ ra. Sau khi mở được cửa sổ thì Hoàng A ra phía trước nhà khoảng 05 mét đến 06 mét để canh đường, còn V thì đi ra phía trước nhà ông B tháo cây quay mái hiên bằng kim loại ra để đưa vào cửa sổ móc lấy túi xách màu đen đang để trên ghế salon nhưng không móc được nên đưa cây quay mái hiên cho P thì P móc được túi xách ra. P và V lục túi xách thấy có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 loại 16GB màu trắng - bạc, 01 cục sạc điện thoại di động, P đưa điện thoại cho Hoàng A giữ, còn cục sạc thì P giữ. Sau đó, V dùng băng keo hai mặt chuẩn bị sẵn trong túi ra để quấn một đầu cây quay mái hiên đưa vào bên trong móc được 01 đồng hồ hiệu Longines có mặt màu trắng, dây đeo màu vàng - trắng để trên kệ gần cầu thang và một xâu chìa khóa các loại định mở cửa vào nhà lấy tài sản tiếp nhưng P không đồng ý. Sau đó, V lượm một cây sắt dùng để phơi quần áo rồi cột dây kẽm vào đầu thanh sắt để câu móc điện thoại di động màu đen đang sạt pin nhưng làm rơi thanh sắt vào bên trong nhà nên không lấy được, sau đó tất cả bỏ về.

Đến khoảng 08 giờ ngày 13/11/2015, Hoàng A nhờ Nguyễn Thị L tìm nơi bán điện thoại thì được L đồng ý nhưng do điện thoại bị khóa mật khẩu Icloud nên không bán được. Đến khoảng 14 giờ ngày 13/11/2015, V gọi điện thoại cho Mai Thanh T đến để bán điện thoại với giá 2.000.000 đồng; số tiền này Hoàng A, P và V đã chia nhau xài hết. Sau khi mua điện thoại, T nhờ anh Lê Chí C nhờ chạy chương trình điện thoại nhưng không được nên bán lại cho C với giá 2.500.000 đồng; sau đó, C bán lại điện thoại cho một người thanh niên không rõ họ tên địa chỉ với giá 2.700.000 đồng. Riêng đồng hồ đeo tay hiệu Longines, đến chiều ngày 13/11/2015 V lấy đưa cho L xài nhưng L đeo không vừa nên đưa cho chồng tên Phan Long H sử dụng. Sau khi biết được đồng hồ trên do trộm cắp mà có, anh H đã tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Theo kết luận định giá số: 107 ngày 18/11/2015 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự thành phố V, điện thoại di động hiệu Iphone 6 loại 16GB màu trắng - bạc và đồng hồ đeo tay hiệu Longines có mặt màu trắng, dây đeo màu vàng - trắng của ông Đặng Văn B có giá trị còn lại là 16.800.000 đồng.

Nguyễn Hoàng A đã bị xét xử xong theo Bản án Hình sự sơ thẩm số: 30/2016/HSST, ngày 15/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V, còn Nguyễn Văn V do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã thông báo cho chính quyền địa phương có biện pháp giáo dục theo quy định của pháp luật. Phan Văn Tấn P, sau khi bị khởi tố đã bỏ trốn nên vào ngày 15/01/2015 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã ra quyết định truy nã bị cáo và ra quyết định tạm đình chỉ điều tra.

Sau khi bỏ trốn, Phan Văn Tấn P sử dụng giấy chứng minh nhân dân của một người mang tên Giang Tấn P, sinh năm 2001, ngụ tại số: B, ấp H, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để ký kết Hợp đồng lao động ngày 20/08/2017 với anh Huỳnh Anh V, sinh năm: 1988, ngụ tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó, do gia đình ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1958, ngụ tại thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thiếu người làm nên có mượn anh V cho P sang làm cho ông D và ở tại nhà ông D. Rạng sáng ngày 30/8/2017, P thức dậy ở nhà ông D thấy xe mô tô hiệu Exciter sơn màu trắng - xanh - đen biển số: 49F1-058.91 của ông D có gắn chìa khóa sẵn trên xe, gia đình ông D đi đám tang chưa về, còn con ông D là anh Nguyễn Hoàng V đã đi tập thể dục chưa về nên P nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. P điều khiển xe biển số: 49F1-058.91 ra khỏi nhà ông D qua xã T, huyện G, tỉnh Lâm Đồng bán cho anh Hà Văn T, sinh năm 1986, ngụ ấp N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với giá 3.650.000 đồng. Đến khi ông D về nhà phát hiện mất xe nên đã gọi điện thoại báo cho anh Huỳnh Anh V biết, do nghi vấn P lấy trộm tài sản nên anh V đi tìm P thì phát hiện P đang đứng tại ngã ba T cùng với Phạm Yến P để đón xe đi về Thành phố Hồ Chí Minh nên anh V trình báo cho Công an huyện Đ bắt giữ P.

Căn cứ vào kết quả định giá tài sản số: 46 ngày 01/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xe mô tô hiệu Exciter màu trắng - xanh - đen biển số: 49F1-058.91 của ông D có giá trị còn lại là 21.375.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng và đồng ý với quyết định truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Đặng Văn B và Nguyễn Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra các bị hại trình bày: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt xong, bị hại không còn yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về hình phạt: Các bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.650.000 đồng và không còn yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra cũng đã xác định diễn biến sự việc đúng như cáo trạng đã nêu.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKSND-TPVL ngày 30/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Phan Văn Tấn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật giữ nguyên việc truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn Tấn P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 69, Điều 74; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Văn Tấn P mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Văn Tấn P nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phan Văn Tấn P không có đăng ký khai sinh và không có giấy tờ gì để xác định năm sinh nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trưng cầu giám định xương của bị cáo Phong để xác định tuổi. Tại kết luận giám định số: 3584/C54B, ngày 27/11/2015 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định tại thời điểm giám định là tháng 11/2015 thì bị cáo P có độ tuổi từ 16 năm 06 tháng đến 17 năm (tương ứng với khoảng thời gian là từ năm 1998 đến tháng 05 năm 1999) và căn cứ vào quá trình điều tra lấy lời khai của bị cáo P và thu thập chứng cứ xác định được năm sinh của bị cáo P là năm 1998. Đồng thời do không xác định được ngày và tháng sinh của của bị cáo P nên áp dụng điểm d khoản 2 Điều 417 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 xác định ngày, tháng năm sinh của bị cáo P là ngày 31 tháng 12 năm 1998.

[3] Xét thấy, bản án số: 30/2016/HSST ngày 15/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã giải quyết xử lý vật chứng và buộc Mai Thanh T nộp lại 500.000 đồng và Lê Chí C nộp lại 200.000 đồng tiền thu lợi từ việc bán tài sản do bị cáo và đồng bọn trộm cắp để sung quỹ Nhà nước, nên lần xét xử này Tòa án không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V, Mai Thanh T, Lê Chí C, Nguyễn Thị L và Phan Long H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và lời khai bị cáo trong suốt quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, xét có căn cứ để xác định:

Vào khoảng 02 giờ ngày 13/11/2015, bị cáo Phan Văn Tấn P, Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Văn V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm: 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại Iphone 6 loại 16GB màu trắng - bạc, 01 cục sạc điện thoại; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Longines có mặt màu trắng, dây đeo màu vàng - trắng của ông Đặng Văn B. Theo kết luận của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự thì giá trị còn lại là 16.800.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên bị cáo Phan Văn Tấn P bỏ trốn đến huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sử dụng chứng minh nhân dân tên Giang Tấn P để làm thuê cho nhà ông Nguyễn Ngọc D. Ngày 30/8/2017, lợi dụng ông D và gia đình không có nhà P đã lén lấy trộm của ông D xe mô tô hiệu Exciter màu trắng - xanh- đen biển số: 49F1-058.91. Kết luận của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự thì giá trị còn lại là 21.375.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 00 giờ ngày 01/01/2018 và theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ

sung năm 2009, so với khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, điều luật mới và điều luật cũ có khung hình phạt bằng nhau. Theo quy định tại Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 khi xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Tình hình trộm cắp tài sản trong thời gian qua đã làm cho người dân bất an, hoang mang, lo lắng trong việc quản lý tài sản của mình. Để phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay đối với bị cáo cần phải nghiêm trị. Bản chất thích hưởng thụ, lười lao động, không tích cực tham gia sản xuất để tạo ra của cải cho bản thân mà đi trộm cắp tài sản để nhằm phục vụ cho việc tiêu xài cá nhân, lợi dụng sơ hở của người bị hại, dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật. Mặc khác, bị cáo biết tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, biết hành vi chiếm đoạt tài sản sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo với mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội đã gây ra và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và ngăn ngừa chung.

Hành vi trộm cắp tài sản ngày 13/11/2015, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên cũng còn hạn chế về khả năng nhận thức, không thấy được hết tính nguy hiểm đối với xã hội của hành vi phạm tội mà mình gây ra, bị cáo không được gia đình quan tâm uốn nắn để bị cáo sa vào con đường phạm tội, nên khi quyết định hình phạt được xem xét áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại các Điều 69, 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xem xét khi Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo. Khi xét xử bị cáo đủ 18 tuổi nên không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Vì vậy, không yêu cầu người bào chữa cho bị cáo.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại xong. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 khi Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản của bị hại Đặng Văn B bị chiếm đoạt gồm: 01 (Một) đồng hồ đeo tay hiệu Longines đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Long trả lại cho người bị hại theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 26/12/2015 (BL 288). Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 6 loại 16GB không thể thu hồi được, bị hại có yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được (điện thoại di động hiệu Iphone 6 loại 16GB) 12.800.000 đồng. Tại bản án số: 30/2016/HSST ngày 15/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết buộc bị cáo Nguyễn Hoàng A bồi thường cho ông Đặng Văn B số tiền 12.800.000 đồng và dành cho bị cáo Nguyễn Hoàng A một vụ kiện dân sự đối với bị cáo Phan Văn Tấn P và Nguyễn Văn V về việc thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của V và P khi bị cáo Hoàng A đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với bị hại Đặng Văn B. Sau khi bắt được bị cáo Phan Văn Tấn P và trong quá trình điều tra bị hại không còn yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài sản của bị hại Nguyễn Ngọc D bị chiếm đoạt đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trả lại cho người bị hại theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 28/9/2017 (BL 108). Người bị hại không còn yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với anh Hà Văn T yêu cầu bị cáo trả lại cho anh T số tiền 3.650.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường 3.650.000 đồng cho anh T. Xét thấy, yêu cầu của anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 1 Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung:

Hành vi trộm cắp tài sản ngày 13/11/2015, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 30/8/2017, bị cáo còn có thể bị phạt tiền bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xét thấy, bị cáo là đối tượng sống lang thang, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố V là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn Tấn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 33, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Tấn P 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 30/8/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phan Văn Tấn P có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Hà Văn T số tiền 3.650.000đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) .

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Văn Tấn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an TP V;
- Viện kiểm sát TP V;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan